

**CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ TỔNG HỢP THẨM NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ TỔNG HỢP THẨM NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110779357

**3. Ngày thành lập:** 10/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 36/298/26 Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0838378997

Fax:

Email: Trandam2706@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                        | 2610     |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                         | 2620     |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                | 2640     |
| 4.  | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                            | 2720     |
| 5.  | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                               | 2731     |
| 6.  | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                            | 2732     |
| 7.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                           | 2733     |
| 8.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                         | 2750     |
| 9.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                       | 2790     |
| 10. | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)                                                                                                                            | 2811     |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (trừ đấu giá hàng hóa)                                                                             | 4610     |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649     |
| 13. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                               | 4651     |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                | 4652     |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                                                                             | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại cấm)                                                                                                                                                                                                                   | 4690 |
| 17. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                | 4741 |
| 18. | Xuất bản phần mềm<br>(trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                              | 5820 |
| 19. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị) | 5911 |
| 20. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                      | 5912 |
| 21. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các điểm truy cập internet<br>- Dịch vụ viễn thông;                                                                                                                                         | 6190 |
| 22. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                 | 6201 |
| 23. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                   | 6202 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                       | 6209 |
| 25. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông)                                                                                                                       | 6311 |
| 26. | Cổng thông tin<br>(trừ Hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                             | 6312 |
| 27. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                | 7020 |
| 28. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                 | 7320 |
| 29. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                        | 7410 |
| 30. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(loại trừ hoạt động của các phóng viên ảnh)                                                                                                                                                                                    | 7420 |
| 31. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; tư vấn chứng khoán)                                                               | 7490 |
| 32. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                         | 7721 |
| 33. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                              | 7722 |
| 34. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                        | 7730 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu hàng hoá<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đầu giá)<br>- Dịch vụ nhận ủy thác mua bán hàng hóa dịch vụ | 8299(Chính) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: TRẦN THỊ ĐẬM

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 27/06/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 054183006422

Ngày cấp: 22/04/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phước Lộc 1, Xã Hòa Thành, Thị xã Đông Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phước Lộc 1, Xã Hòa Thành, Thị xã Đông Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN THỊ ĐẬM

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/06/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 054183006422

Ngày cấp: 22/04/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phước Lộc 1, Xã Hòa Thành, Thị xã Đông Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phước Lộc 1, Xã Hòa Thành, Thị xã Đông Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội